



Ứng dụng xếp hạng tín nhiệm nội bộ theo yêu cầu Basel trong quản trị rủi ro tín dụng tại các ngân hàng thương mại VN

TS. TRẦN THỊ XUÂN HƯƠNG

1. Thế nào là xếp hạng tín nhiệm (XHTN)?

- Theo Công ty Moody's, XHTN (credit ranking) xếp hạng tín nhiệm đưa ra các ý kiến đánh giá về khả năng tài chính cũng như mức độ rủi ro của các đối tượng như: doanh nghiệp, cá nhân, các tổ chức tài chính, cũng như các loại đầu tư khác nhau. Các loại đầu tư có thể dưới dạng cổ phiếu, trái phiếu, giấy nhận nợ, thương phiếu, các công cụ cho vay khác.

- Xét trên góc độ của NHTM: XHTN là đánh giá hiện thời và dự đoán tương lai về khả năng sẵn sàng hoàn trả tiền gốc và lãi đúng hạn của người đi vay. XHTN tại các NHTM được thực hiện với 3 nhóm khách hàng chủ yếu sau: doanh nghiệp, cá nhân, tổ chức tài chính.

2. XHTN – phương thức quản trị rủi ro tín dụng

Như là hồi chuông cảnh báo từ sự phá sản của các NH, tập đoàn tài chính nổi tiếng tại Mỹ, xuất phát từ các khoản cho vay dưới chuẩn bất động sản, sự tin tưởng vào các tổ chức xếp hạng tín nhiệm độc lập, trong khi các tổ chức này chưa đưa ra được những chỉ số xếp hạng tín nhiệm chính xác, hợp lý. Bên cạnh đó các thứ hạng có thể thay đổi khi tình hình kinh tế biến động, nhất là khi

thị trường bất động sản đóng băng và rớt giá, khách hàng không đủ khả năng trả nợ các NH lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nghiêm trọng. Làn sóng khủng hoảng tín dụng năm 2008 lan truyền và gây tác động nghiêm trọng đến hệ thống tài chính toàn cầu, dẫn đến suy thoái kinh tế thế giới.

Hơn bao giờ hết, vấn đề đảm bảo an toàn cho hệ thống ngân hàng được đặt lên hàng đầu, quản trị rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế trở thành yêu cầu bức thiết trong bối cảnh kinh tế thế giới hiện nay. Theo hiệp ước Basel, các NH phải xây dựng hệ thống xếp hạng tín nhiệm riêng có của mình và sử dụng hệ thống này như là công cụ quản trị rủi ro tín dụng hiệu quả được áp dụng mang tính bắt buộc hầu hết các NHTM trên thế giới. Tuy nhiên tại VN xây dựng và ứng dụng kỹ thuật xếp hạng tín nhiệm nội bộ trong quản trị rủi ro tín dụng là vấn đề còn khá mới mẻ.

Tháng 7/1988 Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng (The Basel Committee on Banking Supervision) đã công bố tài liệu "International Convergence of Capital Measurement and Capital Standards" gồm 25 nguyên tắc cơ bản về giám sát ngân hàng với nội dung cơ bản là quy định thước

đo rủi ro vốn cho các NH thông qua chỉ tiêu an toàn vốn tối thiểu của một ngân hàng phải lớn hơn hoặc bằng 8%. Chỉ tiêu này là yêu cầu bắt buộc đối với các NHTM, được tính toán theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu} = A/(B + C)$$

Trong đó :

- A là Vốn tự có (cấp I và cấp II)
- B là Giá trị tài sản có rủi ro nội bảng (Giá trị sổ sách tài sản có nội bảng x Hệ số rủi ro quy đổi tài sản có theo qui định).
- C là Giá trị tài sản có rủi ro ngoại bảng (bằng C1 + C2), với:

C1 : Tài sản có rủi ro của các cam kết bảo lãnh, tài trợ

C2 : Tài sản có rủi ro của các hợp đồng giao dịch lãi suất, giao dịch ngoại tệ.

Cả C1 và C2 đều được tính theo công thức :

$(C1, C2) = (\text{Giá trị tài sản có sổ sách}) \times (\text{Hệ số chuyển đổi}) \times (\text{Hệ số rủi ro})$.

Vấn đề quan trọng ở đây là xây dựng hệ số rủi ro quy đổi cụ thể cho từng loại tài sản có. Tuy nhiên hạn chế cơ bản của Basel I là chưa đánh giá một cách đầy đủ mức độ tín nhiệm của khách hàng vay nợ, cũng như khả năng không trả được nợ cho NH hoặc do khách hàng vỡ nợ. Nên cách đánh giá này khá cứng nhắc, chưa kiểm soát được danh mục tài sản có, đồng thời áp dụng Basel I cũng chưa thể giúp các nước ngăn chặn khủng hoảng tài chính.

Tiếp theo Basel II ra đời tháng 1 năm 2001 có hiệu lực vào cuối năm 2006, thay thế hiệp ước Basel I, khắc phục những hạn chế nêu trên. Nhằm hướng đến xác lập một phương thức quản trị NH mới theo tiêu chuẩn quốc tế, cần thiết đưa ra kỹ thuật đánh giá một cách hiệu quả các khoản nợ, mức độ rủi ro tài sản mà NH đang nắm giữ mà vẫn bảo đảm tính được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu theo quy định. Ủy ban Basel đã cho phép các NHTM được lựa chọn một trong hai phương thức: Tiếp cận chuẩn và tiếp cận dựa vào xếp hạng nội bộ.

- Phương thức tiếp cận chuẩn (The Standardised Approach): các NH sử dụng kết quả đánh giá của các tổ chức xếp hạng chuyên nghiệp bên ngoài để đưa ra hệ số rủi ro tương ứng cho từng hạng khách hàng, từng loại tài sản. Tuy nhiên việc sử dụng kết quả xếp hạng tổ chức chuyên nghiệp chưa đáp ứng yêu cầu quản trị tín dụng của NH;

vì cách xếp hạng này mang tính chung nhất cho mọi đối tượng sử dụng nó, mà không thể hiện chính xác đặc thù từng loại khách hàng, từng nghiệp vụ cũng như đặc điểm riêng có của NH.

- Phương thức tiếp cận dựa vào xếp hạng nội bộ (The Internal Ratings Based Approach - IRB): IRB là phương thức tiếp cận theo đó các NHTM phải xây dựng hệ thống xếp hạng nội bộ của NH cho toàn bộ khoản mục tín dụng, đầu tư của tài sản có; và trên cơ sở đó NHTM tính toán các hệ số rủi ro cho từng khoản nợ hay cho từng loại tài sản. Kết quả xếp hạng càng thấp thì mức độ rủi ro càng cao và ngược lại. NHTM phân loại toàn bộ khách hàng của mình thành 5 nhóm rủi ro, mỗi nhóm tương ứng với một hệ số rủi ro được quy định cụ thể như sau :

Mạnh	Tốt	Đạt	Yếu	Mất KNTN
5%	10%	35%	100%	625%

Nguồn : Basel, A Revised Framework, 2004, tr 79

Nguyên lý cơ bản theo cách tiếp cận của Basel II hướng đến sự nổi kết chặt chẽ XHTN với rủi ro tín dụng. Xếp hạng khách hàng vay chủ yếu là dự báo nguy cơ vỡ nợ theo 3 cấp độ cơ bản là: nguy hiểm, cảnh báo và an toàn, tức là dựa vào xác suất không trả được nợ của khách hàng (Probability of default – PD). Để tính PD, NHTM dựa vào các khoản nợ mà khách hàng đã giao dịch với NHTM trong quá khứ là 5 năm, với 3 nhóm dữ liệu quan trọng là: các chỉ tiêu tài chính mang tính định lượng và chỉ tiêu phi tài chính mang tính định tính, và nhóm dữ liệu mang tính cảnh báo liên quan đến khả năng trả nợ của khách hàng. Vì vậy mỗi NHTM cần phải xây dựng về xếp hạng tín nhiệm nội bộ, theo dõi và thực hiện quản trị rủi ro tín dụng theo tiêu chuẩn quốc tế.

Tương ứng với mức rủi ro trên thì NHTM quy định mức trích lập dự phòng cụ thể cho từng khoản nợ theo tỷ lệ nhất định; trích lập dự phòng sẽ được hạch toán vào chi phí. Nếu tỷ lệ nợ xấu cao, dự phòng tăng, chi phí tăng, lợi nhuận ngân hàng giảm sẽ ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh NHTM. Để đảm bảo hệ số an toàn vốn cao, mức độ rủi ro thấp, thì NHTM cần thiết phải quản lý danh mục tín dụng, danh mục đầu tư hợp lý.

3. Ứng dụng hiệp ước Basel II trong quản trị rủi ro tín dụng tại các NHTM VN

Tiếp cận tiêu chuẩn chỉ dẫn giám sát NH theo

các chuẩn mực của Basel II từng bước vận dụng trong điều kiện thực tế tại các NHTM VN, thể hiện qua các văn bản như sau:

- Quyết định số 457/2005/QĐ-NHNN ngày 19/4/2005 quy định về các tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của TCTD, đồng thời các hệ số rủi ro tài sản cũng được quy định để tính hệ số an toàn vốn. Quyết định 03/2007/QĐ-NHNN ngày 19/01/07 - sửa đổi bổ sung một số điều của quyết định 457

- Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22/4/2005 của NHNN tại Điều 7 quy định về phân loại nợ, trích lập và sử dụng dự phòng tại các tổ chức tín dụng dựa trên cơ sở xếp hạng tín nhiệm nội bộ. Quyết định 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25/04/2007 - sửa đổi, bổ sung một số điều của QĐ 493....

Hệ thống chấm điểm tín dụng là phương pháp lượng hóa mức độ rủi ro tín dụng của khách hàng thông qua quá trình đánh giá bằng thang điểm thống nhất với 2 nhóm chỉ tiêu tài chính và phi tài chính.

- Thông thường mỗi chỉ tiêu tài chính và phi tài chính sẽ có 5 giá trị chuẩn tương ứng với 5 mức điểm có thể là: 20, 40, 60, 80, 100 (điểm ban đầu). Đối với mỗi chỉ tiêu trên trong bảng tiêu chuẩn đánh giá được NHTM quy định cụ thể cho 4 nhóm ngành, tương ứng với từng quy mô DN, cho từng nhóm khách hàng cá nhân.

- Điểm tổng hợp để xếp hạng khách hàng bằng điểm ban đầu nhân với trọng số. Trọng số là mức độ quan trọng của từng tiêu chí chấm điểm tín dụng (chỉ số tài chính hoặc chỉ tiêu phi tài chính) xét trên góc độ tác động rủi ro tín dụng. Tổng hợp điểm là cơ sở xác định khách hàng thành 10 hạng: AAA, AA, A; BBB, BB, B; CCC, CC, C; D.

4. Ứng dụng kết quả xếp hạng trong quản trị rủi ro tín dụng

Thực hiện chính sách tín dụng, lựa chọn khách hàng cấp tín dụng

và giám sát sau khi cho vay:

- Tương ứng với từng mức hạng của khách hàng, NHTM có quy định cụ thể về cấp tín dụng và giám sát cho vay như sau:

Kết quả xếp hạng tín nhiệm đối với từng KH, lượng hóa để sắp xếp khách hàng theo trật tự rủi ro thấp nhất / cao nhất, đảm bảo tính chính xác cao là căn cứ để NH cấp tín dụng và đề ra chính sách khách hàng phù hợp dựa trên các tiêu chí như sau :

Loại	Cấp tín dụng	Giám sát sau khi cho vay
AAA	- Ưu tiên tối đa nhu cầu tín dụng. - Ưu đãi về lãi suất, phí, thời hạn. - Có thể cho vay tín chấp.	- Kiểm tra KH định kỳ. - Cập nhật thông tin. - Tăng cường quan hệ với KH.
AA	- Ưu tiên đáp ứng nhu cầu tín dụng. - Ưu đãi về lãi suất, phí, thời hạn. - Thực hiện biện pháp bảo đảm tiền vay (Có thể cho vay tín chấp).	- Kiểm tra KH định kỳ. - Cập nhật thông tin. - Tăng cường quan hệ với KH.
A	- Đáp ứng nhu cầu tín dụng. - Không yêu cầu cao về biện pháp bảo đảm tiền vay (Có thể cho vay tín chấp).	- Kiểm tra khách hàng định kỳ nhằm cập nhật thông tin.
BBB	- Có thể mở rộng tín dụng. - Không hoặc hạn chế áp dụng các điều kiện ưu đãi.	- Kiểm tra khách hàng định kỳ nhằm cập nhật thông tin.
BB	- Hạn chế mở rộng TD, chỉ tập trung vào các khoản tín dụng ngắn hạn. - Thực hiện các biện pháp bảo đảm tiền vay hiệu quả. - Thực hiện các điều kiện cho vay	- Chú trọng kiểm tra việc sử dụng vốn vay, tình hình sử dụng tài sản đảm bảo.
B	- Hạn chế mở rộng tín dụng. - Tập trung thu hồi vốn cho vay. - Xem xét thận trọng các khoản cho vay mới, đánh giá cẩn thận khả năng phục hồi của KH, dựa vào phương án SXKD và TD bảo đảm.	Tăng cường kiểm tra thu nợ và giám sát hoạt động.
CCC	- Hạn chế mở rộng tín dụng - Giảm nợ và gia hạn nợ chỉ thực hiện nếu có phương án kinh doanh khả thi.	Tăng cường kiểm tra khách hàng, tìm cách bổ sung tài sản đảm bảo.
CC	- Không mở rộng tín dụng. - Tìm mọi biện pháp thu hồi nợ. - Gia hạn nợ chỉ thực hiện nếu có phương án SXKD khả thi, hiệu quả.	Tăng cường kiểm tra khách hàng.
C	- Không mở rộng tín dụng, tích cực thu hồi nợ, xử lý sớm tài sản đảm bảo.	Xem xét phương án đưa ra tòa.
D	Không mở rộng tín dụng, tích cực thu hồi nợ, xử lý sớm tài sản đảm bảo.	Xem xét phương án đưa ra tòa.

- Hạn mức/ số tiền cho vay.
- Lãi suất, phí.
- Bảo đảm tiền vay...
- Thời hạn cho vay
- Thái độ ứng xử tín dụng đối với khách hàng.
- Chính sách thỏa đáng để thu hút và giữ KH tốt, thu hẹp tín dụng đối với KH xấu thậm chí kiên quyết không cho vay.
- Phát hiện và đối phó kịp thời những khoản tín dụng có vấn đề.

Đây là một trong những công cụ hữu hiệu giúp các ngân hàng nâng cao năng lực quản lý trong việc cho vay, thu nợ và xử lý rủi ro tín dụng.

• Phân loại nợ và trích lập dự phòng

- Căn cứ vào kết quả xếp hạng NHTM phân loại dư nợ tương ứng, NHTM trích lập dự phòng chung và dự phòng cụ thể theo từng món vay như sau:

Hạng	Phân loại nợ theo điều 7 QĐ 493, QĐ 18
AAA	Nợ nhóm 1 - trích lập dự phòng 5%
AA	
A	
BBB	Nợ nhóm 2 - trích lập dự phòng 10%
BB	
B	
CCC	Nợ nhóm 3 - trích lập dự phòng 20%
CC	
C	Nợ nhóm 4 - trích lập dự phòng 50%
D	Nợ nhóm 5 - trích lập dự phòng 100%

• Phục vụ công tác quản lý khách hàng

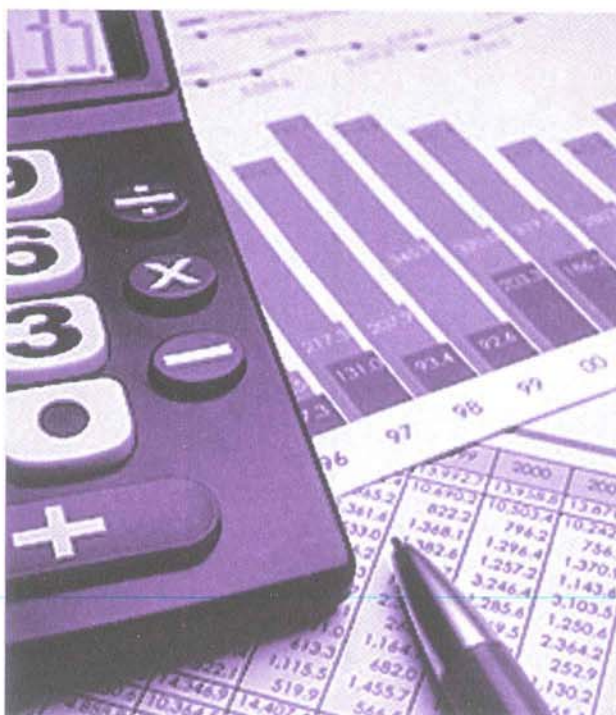
Khi xây dựng hệ thống chỉ tiêu đánh giá khách hàng theo hai nhóm chỉ tiêu chính đó là chỉ tiêu tài chính và chỉ tiêu phi tài chính, lượng hoá các chỉ tiêu này thành thang điểm là cơ sở để nhân viên ngân hàng dễ dàng trong việc phân loại khách hàng, thu thập thông tin và quản lý hồ sơ tín dụng.

5. Một số vấn đề cần quan tâm khi xây dựng và ứng dụng XHTN tại các NHTM

Tiến độ xây dựng hệ thống xếp hạng tín nhiệm còn quá chậm

- Hiện nay XHTN nội bộ theo Basel II còn khá mới mẻ, chính thức được các NH đưa vào áp dụng để phân loại nợ theo Điều 7 Quyết định 493 với thời gian là sau 3 năm kể từ ngày quyết định này được ban hành. Nhưng đến nay việc thực hiện xếp hạng nội bộ để phân loại nợ theo điều 7 Quyết định 493 diễn ra khá là chậm, số lượng NH hoàn thành quá ít, chỉ có BIDV đầu tiên chính thức áp dụng năm 2008; tiếp theo là NHTM Phát triển Nhà Đồng bằng sông Cửu Long đang hoàn thiện xếp hạng nội bộ; còn một số NHTM khác vẫn còn đang trong giai đoạn chuẩn bị, nên phần lớn các NHTM VN phân loại nợ theo điều 6 quyết định 493 tức là dựa vào thời hạn quá hạn nợ là chủ yếu.

- Các NHTM VN còn khá lúng túng trong việc xây dựng hệ thống XHTN, về phía NHNN chưa có hệ thống pháp lý rõ ràng, phần lớn các NHTM đều dựa vào mô hình xếp hạng của CIC, sử dụng các bảng tính, thang điểm, các trọng số sử dụng đều dựa vào tài liệu của CIC. Trong khi đó tiếp cận các chuẩn mực của Basel đòi hỏi kỹ thuật phức tạp, khó có thể xây dựng thước đo chung cho các NHTM, trong khi nguồn dữ liệu thông tin chưa đủ, chưa có mô hình tính toán DP cụ thể, mà quan



trọng hơn là hệ thống quản trị rủi ro của các NHTM VN còn non kém.

- Mặt khác nếu thực hiện Điều 7 Quyết định 493 để phân loại nợ dựa vào xếp hạng tín nhiệm nội bộ thì tỷ lệ nợ xấu cao hơn mức bình thường so với việc chỉ thực hiện Điều 6 Quyết định 493, nên điều dẫn đến yếu tố tâm lý chậm trễ tại các NH.

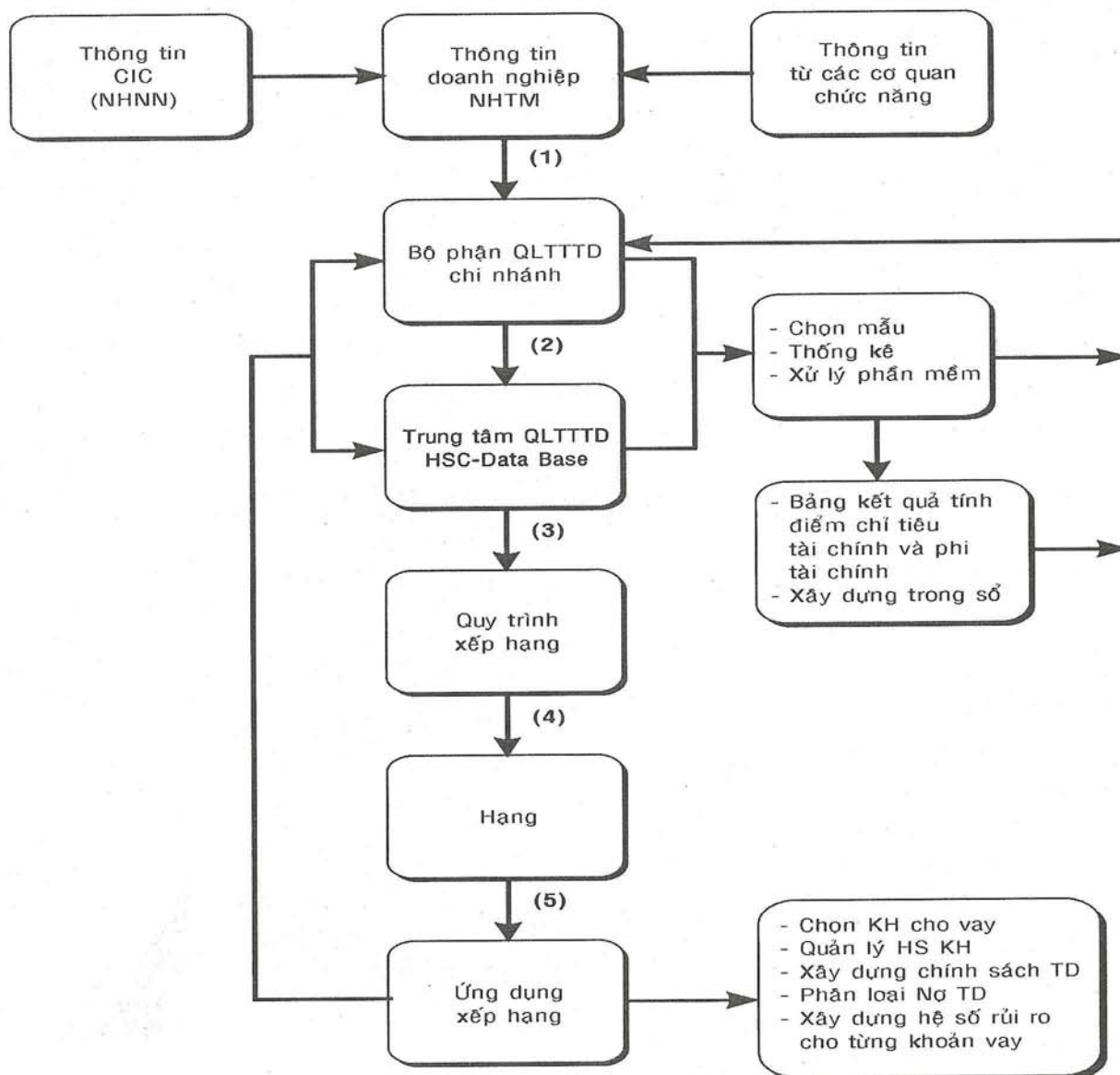
- Việc xây dựng mô hình tính hệ số rủi ro quy đổi được thực hiện từ tính toán DP, đánh giá khả năng trả nợ, mức độ tín nhiệm của khách hàng trong thời gian từ 3- 5 năm thì chưa có NHTM nào thực hiện được, mà chỉ dựa vào các quy định cụ thể của NHNN công bố theo quyết định 457.

6. Một số giải pháp

Về phía NHTM

- NHTM khẩn trương hoàn thành hệ thống XHTN nội bộ đáp ứng yêu cầu Basel, tiến độ thực hiện phân loại nợ theo Điều 7 Quyết định 493. Các NHTM có thể liên hệ các tổ chức chuyên nghiệp để tư vấn, mua chương trình phần mềm nhằm khai thác những kinh nghiệm từ các công ty chuyên nghiệp trong lĩnh vực này, đồng thời kết hợp với xây dựng chính sách tín dụng hợp lý.

- Hoàn thiện mô hình tính điểm dựa trên sự kết hợp các phương pháp thống kê, phân tích, định lượng xây dựng các chỉ số tài chính và phi tài chính cho từng ngành nghề cũng như tính trọng số mức độ ảnh hưởng đến từng chỉ tiêu tính điểm. Các bảng kết quả các chỉ tiêu cần phải điều



chính hợp lý khi thị trường biến động.

- Xây dựng trung tâm quản lý thông tin tại các NHTM, từng bước hoàn thiện hệ thống dữ liệu "database" kết hợp ứng dụng công nghệ thông tin xây dựng mô hình tính DP và hệ số rủi ro, trên cơ sở tham khảo hệ số rủi ro của NHNN cũng như các NHTM khác trên thế giới nhằm giảm bớt thời gian và chi phí.

- NHTM cần tích cực mở rộng kênh thông tin và chủ động thu thập các nguồn như: thông tin từ CIC, cơ quan quản lý cấp trên, quản lý nhà nước, kiểm toán, cơ quan thuế, các tổ chức tín dụng khác có quan hệ... để có đủ tư liệu đánh giá chính xác trong quá trình xếp hạng.

- Cải tiến quy trình ứng dụng XHTN một cách hợp lý đáp ứng được yêu cầu quản trị rủi ro tín dụng, được thể hiện qua sơ đồ sau:

Về phía Nhà nước

- Nhà nước nhanh chóng ban hành các văn bản pháp lý tạo điều kiện thuận lợi để phát triển loại hình dịch vụ này, khuyến khích các tập đoàn xếp hạng chuyên nghiệp vào VN, từng bước tạo tâm lý DN xếp hạng trên thị trường để chính bản thân các DN đó xác định vị thế của mình trên thị trường.

- Nâng cao tính minh bạch tài chính thì các báo cáo tài chính bắt buộc phải được kiểm toán, nhằm đảm bảo các số liệu kế toán trung thực chính xác là cơ sở để ngân hàng tính toán đưa ra kết quả chính xác.

- CIC tăng cường biện pháp thẩm định thông tin do các NHTM cung cấp như: So sánh số liệu của DN được gửi đến NHTM yêu cầu phải thống nhất với nhau, các số liệu của DN yêu cầu phải kiểm toán nhằm nâng cao chất lượng thông tin tín dụng cung cấp.

Về phía doanh nghiệp

- Tổ chức bộ máy kế toán hiệu quả, lựa chọn hình thức kế toán phù hợp với đặc điểm kinh doanh của từng DN, kết hợp với việc ứng dụng hệ thống tin học để có thể phản ánh chính xác và kịp thời các nghiệp vụ kinh tế phát sinh tại DN. Bố trí nhân sự hợp lý theo đúng chuyên môn của từng người nhằm tránh gây ùn tắc trong công việc kế toán.

- Thực hiện minh bạch tài chính, thực hiện tốt chế độ báo cáo kế toán theo quy định hiện hành, yêu cầu kiểm toán bắt buộc nhằm kịp thời phát hiện sai sót và đảm bảo tính trung thực số liệu kế toán.

- DN phải chấp hành đúng các quy định về quản lý tài chính, đảm bảo an toàn tài chính, kinh doanh đúng quy định pháp luật hạn chế tình trạng chiếm dụng vốn lừa đảo, trốn thuế, buôn lậu ... là điều kiện để NHTM đánh giá các chỉ tiêu phi tài chính■

Tài liệu tham khảo:

- Basel (2004), *A Revised Framework*.
- Tổng hợp các tài liệu xếp hạng của một số NHTM VN.

